

Số: 6634../QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 02 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết

Khu chức năng đô thị Nam Đại lộ Thăng Long tỷ lệ 1/500.

Địa điểm: phường Mễ Trì, Trung Văn, Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12;
Căn cứ Luật Thủ đô số 25/2012/QH13;
Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về Lập, Thẩm định, Phê duyệt và Quản lý quy hoạch đô thị;
Căn cứ Nghị định số 38/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian kiến trúc cảnh quan đô thị;
Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về Quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;
Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;
Căn cứ Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;
Căn cứ Quyết định số 6631/QĐ-UBND ngày 02/12/2015 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu đô thị H2-2 tỷ lệ 1/2000;
Căn cứ Quyết định số 6356/QĐ-UBND ngày 21/11/2016 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết Khu chức năng đô thị Nam Đại lộ Thăng Long tỷ lệ 1/500;
Xét đề nghị của Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số: 7.048/Tr-QHKT ngày 23/11/2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Quy hoạch chi tiết Quy hoạch chi tiết Khu chức năng đô thị Nam Đại lộ Thăng Long tỷ lệ 1/500 tại các phường Mễ Trì, Trung Văn, Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội do Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội lập với những nội dung chính như sau:

1 - Vị trí, ranh giới và quy mô lập quy hoạch:

a. Vị trí, ranh giới:

Khu vực nghiên cứu quy hoạch nằm phía Tây Thành phố, thuộc ranh giới hành chính các phường Mễ Trì, Trung Văn, Phú Đô, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, được giới hạn như sau:

- Phía Bắc giáp đường gom Đại lộ Thăng Long.
- Phía Đông giáp khu vực dự kiến bố trí trụ sở các Bộ Ngành Trung ương và khu dân cư hiện có.
- Phía Nam giáp sông Nhuệ.
- Phía Tây giáp tuyến đường quy hoạch rộng 21,25m.

b. Quy mô:

- Quy mô diện tích đất nghiên cứu quy hoạch: khoảng 750.296m².
- Quy mô dân số khoảng 10.000 người.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ :

- Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại các thông báo số 25/TB-VPCP ngày 28/01/2015, số 307/TB-VPCP ngày 09/9/2015, số 30/TB-VPCP ngày 03/02/2016 và văn bản số 4116/VPCP-KTN ngày 30/5/2016 của Văn phòng Chính phủ về việc thực hiện dự án Trung tâm văn hóa, du lịch và thương mại để tạo vốn xây dựng Trung tâm Hội chợ triển lãm quốc gia – quốc tế.

- Cụ thể hóa Quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội và Quy hoạch phân khu đô thị H2-2 tỷ lệ 1/2000 đã được các cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Đề xuất phân khu chức năng, cơ cấu sử dụng đất đai hợp lý, xây dựng khu chức năng đô thị hiện đại, khớp nối hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật khu vực nghiên cứu và các dự án xung quanh đảm bảo yêu cầu phát triển đô thị đồng bộ, bền vững đáp ứng nhu cầu phát triển chung của khu vực.

- Xây dựng quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết làm cơ sở pháp lý để quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch và nghiên cứu các dự án đầu tư xây dựng.

3. Nội dung quy hoạch chi tiết :

3.1. Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất:

Khu vực nghiên cứu lập Quy hoạch chi tiết Khu chức năng đô thị Nam Đại lộ Thăng Long tỷ lệ 1/500 có tổng diện tích khoảng 750.296m² được quy hoạch gồm chức năng sử dụng đất như sau:

a. Đất dân dụng:

- Đất đường thành phố, khu vực: có tổng diện tích 118.117 m², bao gồm các cấp đường có mặt cắt ngang từ 17,5m trở lên.

- Đất cây xanh đô thị (ký hiệu CXĐT): có tổng diện tích 94.053 m², bao gồm 04 lô đất ký hiệu CXĐT-1, CXĐT-2, CXĐT-3, CXĐT-4.

- Đất mặt nước (ký hiệu HO, SO): có tổng diện tích 165.067 m², trong đó: hồ điều hòa (ký hiệu HO) có diện tích 150.022 m²; sông Nhuệ (gồm 02 lô đất ký hiệu SO-1, SO-2) có diện tích 15.045 m².

- Đất đường giao thông nội bộ: có tổng diện tích 79.287 m², bao gồm các cấp đường có mặt cắt ngang từ ≤ 13m.

- Đất bãi đỗ xe: có tổng diện tích 4.288 m² gồm 04 lô đất ký hiệu P-1, P-2, P-3, P-4.

- Đất công cộng đơn vị ở (ký hiệu CC): có chức năng phục vụ thường xuyên như: trụ sở hành chính, nhà văn hóa, trạm y tế, trung tâm thể dục thể thao phường, dịch vụ thương mại ..., với tổng diện tích 10.167 m², bao gồm 03 lô đất ký hiệu CC-1, CC-2, CC-3:

- Đất cây xanh đơn vị ở, nhóm nhà ở: có tổng diện tích 23.575 m², bao gồm đất cây xanh đơn vị ở và đất cây xanh nhóm nhà ở, cụ thể như sau:

+ Đất cây xanh đơn vị ở: có tổng diện tích 21.030 m², bao gồm 06 lô đất ký hiệu từ CX-1 đến CX-6.

+ Đất cây xanh nhóm nhà ở: có tổng diện tích 2.545 m², gồm 16 lô đất ký hiệu từ CXNN-1 đến CXNN-16.

- Đất trường trung học cơ sở ký hiệu THCS): có diện tích 8.263 m².

- Đất trường tiểu học (ký hiệu TH): có diện tích 10.021 m².

- Đất nhà trẻ, mẫu giáo (ký hiệu NT): có diện tích 7.627 m².

- Đất ở: có tổng diện tích 139.450 m², gồm đất nhà ở liền kề, đất biệt thự song lập, đất biệt thự đơn lập, trong đó:

+ Đất nhà ở liền kề: có tổng diện tích 53.315 m², gồm 28 lô đất ký hiệu từ LK-1 đến LK-28.

+ Đất biệt thự song lập: có tổng diện tích 48.856 m², gồm 13 lô đất ký hiệu từ BT1-1 đến BT1-13.

+ Đất biệt thự đơn lập: có tổng diện tích 37.279 m², gồm 20 lô đất ký hiệu từ BT2-1 đến BT2-20.

b. Đất dân dụng khác:

- Đất công trình hỗn hợp: có tổng diện tích 58.900 m², gồm 02 lô đất ký hiệu HH-1, HH-2, trong đó diện tích lô đất HH-1 đã bao gồm cả diện tích mặt nước khoảng 3.110m².

- Đất di tích: có tổng diện tích 9.867 m², gồm 03 lô đất ký hiệu DT-1 đến DT-3.

c. Đất ngoài dân dụng:

- Đất hạ tầng kỹ thuật (ký hiệu HTKT): là trạm xử lý nước thải cục bộ với diện tích 1.203 m².

- Đất cây xanh cách ly: có tổng diện tích 20.411 m², gồm 02 lô đất ký hiệu CXCL-1, CXCL-2.

Bảng tổng hợp các số liệu sử dụng đất

TT	Ký hiệu	Chức năng sử dụng đất	Diện tích ô đất	Tổng diện tích	Mật độ XD	Tầng cao	Số người	Ghi chú
			(m ²)	(m ²)	(%)	(tầng)	(h.sinh, người)	
A		Đất dân dụng	659.915	395.237	14,3	1;2;3;4;5	3.068	
I		Đất đường thành phố, khu vực	118.117					
		Đất đường liên khu vực, trục chính ĐT						mặt cắt điển hình 40m
		Đất đường chính khu vực						mặt cắt điển hình 21,25m - 24m
		Đất đường khu vực						mặt cắt điển hình 17,5m
II	CXĐT	Đất cây xanh đô thị	94.053	2.325	2,5	1		
	CXĐT-1		4.468					
	CXĐT-2		71.809	1.436	2,0	1		bao gồm cả công viên nghĩa trang
	CXĐT-3		13.033	652	5,0	1		
	CXĐT-4		4.743	237	5,0	1		
III		Mặt nước	165.067					
1	HO	Hồ điều hòa	150.022					
2	SO	Sông Nhuệ	15.045					
	SO-1		12.211					
	SO-2		2.834					
V		Đất đơn vị ở	282.678	392.912	32,5	1;2;3;4;5	3.068	

TT	Ký hiệu	Chức năng sử dụng đất	Diện tích ô đất	Tổng diện tích	Mật độ XD	Tầng cao	Số người	Ghi chú
			(m ²)	(m ²)	(%)	(tầng)	(h.sinh, người)	
1		Đất đường cấp nội bộ	79.287					mặt cắt ngang từ ≤ 13m
2	P	Đất bãi đỗ xe	4.288					
	P-1		555					
	P-2		1.530					
	P-3		1.087					
	P-4		1.116					
3	CC	Đất công cộng đơn vị ở	10.167	8.259	34,6	2;3		
	CC-1		6.590	4.847	31,4	2;3		trụ sở hành chính; nhà văn hóa; trạm y tế, trung tâm thể dục thể thao phường; chợ; dịch vụ, thương mại ...
	CC-2		1.596	1.403	35,7	2;3		
	CC-3		1.981	2.009	44,2	2;3		
4		Đất cây xanh đơn vị ở, nhóm nhà ở	23.575	421	1,8	1		
4.1	CX	Đất cây xanh đơn vị ở	21.030	421	2,0	1		
	CX-1		1.996					
	CX-2		2.459					
	CX-3		5.385					
	CX-4		8.417	421	5,0	1		trong đó có 4.533m ² là diện tích mặt nước
	CX-5		2.183					
	CX-6		590					
4.2	CXNN	Đất cây xanh nhóm nhà	2.545					
	CXNN-1		156					
	CXNN-2		156					
	CXNN-3		156					
	CXNN-4		156					
	CXNN-5		156					
	CXNN-6		156					
	CXNN-7		156					
	CXNN-8		156					
	CXNN-9		160					
	CXNN-10		165					
	CXNN-11		156					
	CXNN-12		156					
	CXNN-13		156					
	CXNN-14		184					
	CXNN-15		160					
CXNN-16		160						
5	NT	Đất nhà trẻ, mẫu giáo	7.627	9.152	40,0	1;3	500	
6	TH	Đất trường tiểu học	10.021	12.025	40,0	1;3	650	
7	THCS	Đất trường trung học cơ sở	8.263	13.221	40,0	1;4	550	
8		Đất ở	139.450	349.834	55,6	3;5	3.068	
8.1	LK	Nhà ở liền kề	53.315	199.931	75,0	5	1.684	
	LK-1		1.769	6.634	75,0	5	56	
	LK-2		1.872	7.020	75,0	5	64	
	LK-3		1.638	6.143	75,0	5	56	
	LK-4		1.672	6.270	75,0	5	48	

TT	Ký hiệu	Chức năng sử dụng đất	Diện tích ô đất	Tổng diện tích	Mật độ XD	Tầng cao	Số người	Ghi chú
			(m ²)	(m ²)	(%)	(tầng)	(h.sinh, người)	
	LK-5		1.672	6.270	75,0	5	48	
	LK-6		1.769	6.634	75,0	5	56	
	LK-7		2.058	7.718	75,0	5	72	
	LK-8		1.872	7.020	75,0	5	64	
	LK-9		1.872	7.020	75,0	5	64	
	LK-10		1.769	6.634	75,0	5	56	
	LK-11		2.058	7.718	75,0	5	72	
	LK-12		1.937	7.264	75,0	5	64	
	LK-13		1.814	6.803	75,0	5	56	
	LK-14		1.838	6.893	75,0	5	56	
	LK-15		1.945	7.294	75,0	5	64	
	LK-16		1.778	6.668	75,0	5	56	
	LK-17		2.106	7.898	75,0	5	72	
	LK-18		2.061	7.729	75,0	5	64	
	LK-19		1.827	6.851	75,0	5	56	
	LK-20		1.827	6.851	75,0	5	56	
	LK-21		1.872	7.020	75,0	5	64	
	LK-22		2.061	7.729	75,0	5	64	
	LK-23		2.050	7.688	75,0	5	56	
	LK-24		2.255	8.456	75,0	5	64	
	LK-25		1.715	6.431	75,0	5	48	
	LK-26		1.694	6.353	75,0	5	48	
	LK-27		2.312	8.670	75,0	5	72	
	LK-28		2.202	8.258	75,0	5	68	
	BT1	Biệt thự song lập	48.856	97.712	50,0	4	936	
	BT1-1		2.340	4.680	50,0	4	48	
	BT1-2		2.340	4.680	50,0	4	48	
	BT1-3		2.623	5.246	50,0	4	48	
	BT1-4		5.591	11.182	50,0	4	112	
	BT1-5		3.499	6.998	50,0	4	64	
	BT1-6		3.461	6.922	50,0	4	64	
	BT1-7		5.591	11.182	50,0	4	112	
	BT1-8		3.461	6.922	50,0	4	64	
	BT1-9		3.499	6.998	50,0	4	64	
	BT1-10		5.591	11.182	50,0	4	112	
	BT1-11		4.460	8.920	50,0	4	88	
	BT1-12		3.200	6.400	50,0	4	56	
	BT1-13		3.200	6.400	50,0	4	56	
8.3	BT2	Biệt thự đơn lập	37.279	52.191	35,0	4	448	
	BT2-1		852	1.193	35,0	4	8	
	BT2-2		4.045	5.663	35,0	4	48	
	BT2-3		852	1.193	35,0	4	8	
	BT2-4		852	1.193	35,0	4	8	
	BT2-5		4.045	5.663	35,0	4	48	
	BT2-6		852	1.193	35,0	4	8	
	BT2-7		6.346	8.884	35,0	4	80	

TT	Ký hiệu	Chức năng sử dụng đất	Diện tích ô đất	Tổng diện tích	Mật độ XD	Tầng cao	Số người	Ghi chú
			(m ²)	(m ²)	(%)	(tầng)	(h.sinh, người)	
	BT2-8		755	1.057	35,0	4	8	
	BT2-9		6.346	8.884	35,0	4	80	
	BT2-10		755	1.057	35,0	4	8	
	BT2-11		755	1.057	35,0	4	8	
	BT2-12		755	1.057	35,0	4	8	
	BT2-13		862	1.207	35,0	4	8	
	BT2-14		5.267	7.374	35,0	4	72	
	BT2-15		663	928	35,0	4	8	
	BT2-16		603	844	35,0	4	8	
	BT2-17		642	899	35,0	4	8	
	BT2-18		546	764	35,0	4	8	
	BT2-19		606	848	35,0	4	8	
	BT2-20		880	1.232	35,0	4	8	
B		Đất dân dụng khác	68.767	520.800	21,4	1;2;35;37;39	6.932	
I	HH	Đất công trình hỗn hợp (*)	58.900	520.800	25,0	35;37;39	6.932	chỉ tiêu khoảng 38m ² sàn /ng
	HH-1		47.421	373.800	22,1	35;37;39	5.056	trong đó có 3.110m ² là diện tích mặt nước
	HH-2		11.479	147.000	36,6	35	1.876	
II	DT	Đất di tích, tôn giáo	9.867					
	DT-1	Chùa Linh Sơn Tự (Chùa Cả Phú Đô)	2.074					thực hiện theo dự án riêng
	DT-2	Chùa Đồng Bản Linh Tự	1.250					
	DT-3	Chùa Đại Linh Tự (chùa Trung Văn)	6.543					
C		Đất ngoài dân dụng	21.614					
I	HTKT	Đất hạ tầng kỹ thuật	1.203					trạm xử lý nước thải cục bộ
II	CXCL	Đất cây xanh cách ly	20.411					
	CXCL-1		18.565					
	CXCL-2		1.846					
		Tổng cộng	750.296	916.037	14,5	1;2;3;4;5;35;37;39	10.000	

Ghi chú:

- Tầng cao, diện tích sàn xây dựng các công trình chưa bao gồm tầng hầm và tum thang.

- Đối với công trình nhà ở hiện có trong khu vực quy hoạch, đặc biệt là các công trình nằm trong khu vực cây xanh ven sông Nhuệ sẽ phân giai đoạn để từng bước di dời thực hiện theo quy hoạch; Vị trí, quy mô quỹ đất tái định cư sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn lập dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt; Khi triển khai dự án, Chủ đầu tư cần liên hệ với các cơ quan chức năng để được hướng dẫn thực hiện theo đúng quy trình, quy định về quản lý, đất đai, đầu tư, xây dựng hiện hành.

- Việc bố trí quỹ đất tương đương để phát triển nhà ở xã hội theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo số 30/TB-VPCP ngày 03/02/2016 sẽ được UBND Thành phố xem xét, bố trí ở vị trí khác thích hợp.

3.2. Tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị:

3.2.1. Bố cục không gian kiến trúc cảnh quan:

Khu vực quy hoạch có phạm vi cơ bản được khái quát theo hình chữ nhật. Trong đó: hướng Bắc giáp đại lộ Thăng Long, hướng Nam giáp sông Nhuệ, hướng Đông giáp khu vực dự kiến quy hoạch nhằm xây dựng trụ sở mới của các Bộ, Ngành trung ương, hướng Tây giáp khu vực cảnh quan sinh thái Đông sông Nhuệ.

- Hệ thống các công trình kiến trúc được bố cục thành mảng theo mô hình chữ U; hướng lên phía Bắc và bao bọc không gian cảnh quan cây xanh mặt nước về ba phía.

- Khu vực công trình kiến trúc thấp tầng (04-05 tầng) bố trí tại phía Nam và Tây khu vực. Không gian được bố cục theo mạng lưới ô bàn cờ, với cấu trúc theo nguyên tắc thành phố vườn; kết hợp với mạng lưới cây xanh đường phố và các tuyến muông tạo sự chuyển tiếp giữa không gian cảnh quan của khu vực với vành đai xanh sông Nhuệ.

- Khu vực công trình kiến trúc cao tầng (35-39 tầng) bố trí tại phía Đông khu vực. Không gian được bố cục theo mô hình tuyến – dải, kéo dài 500m theo hướng Bắc – Nam. Các công trình cao tầng hiện đại được bố cục theo phương vị chủ đạo Đông Tây, phương vị tạo hướng mở liên kết cho khu vực xây dựng trụ sở mới của các Bộ, Ngành trung ương về phía hồ điều hòa.

- Hồ điều hòa chiếm diện tích chủ đạo (khoảng 15ha) và được bố trí tại trung tâm khu vực. Hai tuyến kênh, muông hở tạo thành mạng lưới cảnh quan liên kết hệ thống hồ với sông Nhuệ và các không gian công viên, cây xanh trên toàn khu vực. Trong các khu đất xây dựng công trình nhà ở thấp tầng, công trình công cộng, trường học và hỗn hợp tổ chức mạng lưới các dải cây xanh gắn kết với nhau và với hệ thống cây xanh khu vực. Các khu cây xanh tập trung được bố trí sân vườn cảnh quan, không gian vui chơi, nghỉ ngơi, tiện ích cộng đồng tạo môi trường sống chất lượng cao cho người dân đô thị.

3.2.2. Các yêu cầu về tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị:

- Bản đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan chỉ có tính minh họa, gợi ý cho giải pháp tổ chức không gian kiến trúc và cảnh quan. Bố cục mặt bằng, hình dáng các công trình xây dựng sẽ được thực hiện cụ thể ở giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng, khi thiết kế công trình cụ thể cần đảm bảo các chỉ tiêu sử dụng đất (diện tích đất, mật độ xây dựng, tầng cao ...) và các yêu cầu đã không chế tại bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch được duyệt và các yêu cầu của Quy chuẩn xây dựng Việt Nam, Tiêu chuẩn thiết kế chuyên ngành và các quy định hiện hành liên quan.

- Bố cục quy hoạch công trình cần được nghiên cứu trên cơ sở phân tích về các điều kiện hiện trạng của khu đất, lựa chọn giải pháp tối ưu để hạn chế tác động xấu của hướng nắng, hướng gió để cải thiện điều kiện vi khí hậu trong công trình.

- Yêu cầu về công trình:

+ Quy mô đất công trình, chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc và khoảng lùi xây dựng công trình tại các ô đất tuân thủ Quy hoạch chi tiết được duyệt phù hợp với Quy chuẩn Xây dựng.

+ Trong khuôn viên ô đất của từng công trình đảm bảo diện tích đỗ xe, cũng như các hệ thống kỹ thuật phụ trợ khác phù hợp tiêu chuẩn, phục vụ cho công trình. Các công trình xây dựng tầng hầm phải đảm bảo tầng hầm không được vượt quá chỉ giới đường đỏ, ranh giới ô đất đã được xác định trong quy hoạch chi tiết được duyệt tuân thủ các quy định của Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của

Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị và Quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

+ Các công trình công cộng, trường học (mầm non, tiểu học, THCS) phải đảm bảo diện tích sân chơi, cây xanh theo quy định và có hình thức kiến trúc phù hợp với chức năng sử dụng và không gian cảnh quan khu vực. Tường rào bao quanh công trình có hình thức kiến trúc thoáng, không che chắn tầm nhìn, đảm bảo các yêu cầu công tác PCCC, thoát người... Đảm bảo yêu cầu giao thông tại khu vực lõi vào chính công trình nhà trẻ được an toàn và thông suốt, tổ chức đầu nối giao thông nội bộ với mạng lưới đường giao thông bên ngoài hợp lý, không bị tắc nghẽn. Các công trình công cộng có khoảng lùi tối thiểu 3m so với chỉ giới đường đỏ, tại các vị trí nút giao thông lớn phải lùi 6m so với chỉ giới đường. Các công trình trường học có khoảng lùi 6m so với tường rào, đối với các vị trí trường tiếp giáp đường liên khu vực (mặt cắt 40m) phải lùi 30m. Việc bố trí các công trình phụ trợ như nhà để xe, nhà thường trực bảo vệ có thể xây dựng trùng chỉ giới đường đỏ.

+ Công trình nhà ở thấp tầng có hình thức đa dạng nhưng thống nhất theo một số kiểu mẫu, có tầng cao, mái và màu sắc thống nhất trong một dãy nhà. Hình thức kiến trúc chủ đạo, ánh sáng, vật liệu hoàn thiện, màu sắc công trình phải phù hợp với không gian chung và tính chất sử dụng của công trình. Thống nhất hình thức hàng rào, có kiến trúc thoáng nhẹ, không bịt kín, cao độ và chiều cao các tầng nhà đảm bảo đồng đều trên mặt đứng các dãy nhà, tuyến phố. Đảm bảo khoảng lùi công trình 2m so với chỉ giới đường đỏ. Độ vươn ra của các chi tiết kiến trúc như mái đón, mái hè phố, bậc thềm, ban công, ô văng và các chi tiết kiến trúc (gờ, chỉ, phào...) phải đảm bảo tính thống nhất và mối tương quan với các công trình lân cận cho từng khu chức năng và toàn khu vực, đảm bảo công trình xây dựng không có chi tiết kiến trúc vượt quá chỉ giới đường đỏ. Trường hợp nhà có tầng hầm, cao độ phần nổi tầng hầm không vượt quá 1/2 của chiều cao tầng hầm, việc xây dựng ngầm cần tuân thủ Quy chuẩn, Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam và các quy định có liên quan khác.

+ Công trình nhà hỗn hợp cao tầng có hình thức kiến trúc hiện đại, thống nhất về phong cách; màu sắc công trình, vật liệu hoàn thiện phù hợp với chức năng sử dụng công trình, hài hòa với cảnh quan khu vực. Tổ chức cây xanh, sân vườn gắn với giao thông nội bộ trong khu đất để tạo cảnh quan kiến trúc, đảm bảo các yêu cầu về giao thông và công tác PCCC, thoát người... Các công trình nhà hỗn hợp cao tầng có khoảng lùi 10m so với chỉ giới đường đỏ (không bố trí tường rào bao quanh) tạo không gian mở, kết hợp tổ chức cây xanh, sân vườn để tăng diện tích cây xanh đô thị, cải thiện điều kiện môi trường tạo điểm nhấn cho trục đường và khu vực.

+ Các công trình di tích trong khu vực gồm: Chùa Linh Sơn Tự (Chùa Cả Phú Đô), Chùa Đồng Bàn Linh Tự, Chùa Đại Linh Tự (Chùa Trung Văn) được giữ nguyên phạm vi ranh giới đất theo hiện trạng đang sử dụng. Khi triển khai dự án cần liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để xác định chính xác ranh giới, diện tích và hành lang bảo vệ các công trình di tích (nếu có). Việc xây dựng, cải tạo các công trình này phải đảm bảo yếu tố kiến trúc nguyên gốc và được thực hiện theo dự án riêng, tuân thủ các quy định của Pháp luật,

+ Cổng ra vào, biển hiệu, biển quảng cáo trong các dãy nhà phải đảm bảo hài hòa, thống nhất mối tương quan về kích thước (chiều cao, chiều rộng), hình thức

kiến trúc với các công trình lân cận cho từng khu chức năng, đảm bảo các yêu cầu PCCC đối với công trình xây dựng.

- Yêu cầu về cây xanh:

+ Tổ chức hệ thống cây xanh sử dụng công cộng cần nghiên cứu kỹ điều kiện tự nhiên, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, bố cục không gian kiến trúc, lựa chọn đất đai thích hợp và kết hợp hài hòa với mặt nước, môi trường xung quanh tổ chức thành hệ thống với nhiều dạng phong phú: tuyến, điểm, diện.

+ Khu cây xanh + hồ điều hòa được thiết kế không gian mở, tổ chức các mảng cây xanh bao quanh hồ nước kết hợp với kiến trúc tiêu cảnh, đường dạo và các tiện ích để người dân có thể luyện tập thể thao, đi dạo ... đáp ứng yêu cầu thông gió, điều hoà không khí và cải thiện tốt môi trường vi khí hậu nâng cao chất lượng sống cho dân cư dự án và khu vực. Việc bố trí công trình phụ trợ trong các khu đất cây xanh (kiot dịch vụ, chòi nghỉ, vệ sinh công cộng) cần đảm bảo mật độ xây dựng trong ô đất tối đa 5%, công trình cao 1 tầng với yêu cầu công trình quy mô nhỏ, hình thức kiến trúc đẹp, bố trí phân tán trong khu đất hài hòa với không gian cảnh quan chung (không xây dựng các hạng mục công trình kiến trúc có khối tích lớn). Lưu ý việc thiết kế sử dụng thuận tiện cho các đối tượng là người khuyết tật, phải bố trí chỗ đỗ xe riêng phục vụ cho khu đất và đảm bảo quy mô diện tích hồ điều hòa theo quy hoạch.

+ Bố cục cây xanh vườn hoa, cây xanh đường phố cần được nghiên cứu thiết kế hợp lý trên cơ sở phân tích về các điều kiện vi khí hậu của khu đất thiết kế, phải lựa chọn loại cây trồng và giải pháp thích hợp nhằm tạo được bản sắc địa phương, dân tộc và hiện đại, đồng thời thiết kế hợp lý để phát huy vai trò trang trí, phân cách, chống bụi, chống ồn, tạo cảnh quan đường phố, cải tạo vi khí hậu, vệ sinh môi trường, chống nóng, không gây độc hại, tránh cản trở tầm nhìn giao thông và không ảnh hưởng tới các công trình hạ tầng đô thị (đường dây, đường ống, kết cấu vỉa hè, mặt đường), đáp ứng các yêu cầu về quản lý, sử dụng, tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật về quy hoạch, thiết kế cây xanh đô thị.

+ Các loại cây trồng phải đảm bảo các yêu cầu sau: Cây phải chịu được gió, bụi, sâu bệnh; Cây thân đẹp, dáng đẹp; Cây có rễ ăn sâu, không có rễ nổi; Cây lá xanh quanh năm, không rụng lá trơ cành hoặc cây có giai đoạn rụng lá trơ cành vào mùa đông nhưng dáng đẹp, màu đẹp và có tỷ lệ thấp; Không gây hấp dẫn côn trùng có hại; Cây không có gai sắc nhọn, hoa quả mùi khó chịu; Có bố cục phù hợp với quy hoạch chi tiết được duyệt.

+ Kích thước chỗ trồng cây được quy định như sau: cây hàng trên hè, lỗ để trồng lát hình tròn đường kính tối thiểu 1,2m, hình vuông tối thiểu 1,2m x 1,2m. Chúng loại cây và hình thái lỗ trồng phải đồng nhất trên tuyến đường, hình thành hệ thống cây xanh liên tục và hoàn chỉnh, không trồng quá nhiều loại cây trên một tuyến phố.

+ Đối với các tuyến đường lớn có chiều rộng hè phố trên 5m nên trồng các loại cây có chiều cao 10-15m (khoảng cách cây trồng 12m, khoảng cách tối thiểu đối với lề đường 0,8m) hoặc loại cây có chiều cao >15m (khoảng cách cây trồng 15m, khoảng cách tối thiểu đối với lề đường 1m); Đối với các tuyến đường trung bình có chiều rộng hè phố từ 3m đến 5m nên trồng các loại cây có chiều cao <10m (khoảng cách cây trồng từ 4m đến 8m, khoảng cách tối thiểu đối với lề đường từ 0,6m) hoặc loại cây có chiều cao 10-15m (khoảng cách cây trồng 12m, khoảng

cách tối thiểu đối với lề đường 0,8m); Đối với các dải phân cách có bề rộng dưới 2m chỉ trồng cỏ, các loại cây bụi thấp, cây cảnh. Các dải phân cách có bề rộng từ 2m trở lên có thể trồng các loại cây bóng mát thân thẳng có chiều cao và bề rộng tán lá không gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông, trồng cách điểm đầu giải phân cách, đoạn qua lại giữa hai giải phân cách khoảng 3m - 5m để đảm bảo an toàn giao thông.

+ Tại các trụ cầu, cầu vượt, bờ tường nghiên cứu thiết kế bố trí trồng dây leo để tạo thêm mảng xanh cho đô thị, có khung với chất liệu phù hợp cho dây leo để bảo vệ công trình. Tại các nút giao thông quan trọng ngoài việc phải tuân thủ các quy định về bảo vệ an toàn giao thông tổ chức trồng cỏ, cây bụi, hoa tạo thành mảng xanh tăng vẻ mỹ quan đô thị.

+ Cây xanh được trồng cách các góc phố từ 5m - 8m tính từ điểm lề đường giao nhau gần nhất phù hợp theo góc vát và bán kính theo bó vỉa hè, không gây ảnh hưởng đến tầm nhìn và an toàn giao thông; Cách các hống cứu hoả trên đường 2m - 3m, cách cột đèn chiếu sáng và miệng hố ga 1m - 2m.

- Yêu cầu về chiếu sáng, tiện ích đô thị:

+ Có giải pháp, yêu cầu chiếu sáng phù hợp cho các khu chức năng khác nhau.

+ Đối với các công trình hạ tầng kỹ thuật cần có giải pháp kiến trúc phù hợp, tránh làm ảnh hưởng đến cảnh quan chung của khu vực. Tăng cường sử dụng công nghệ hiện đại văn minh như công nghệ không dây để hạn chế các đường dây, đường ống ảnh hưởng thẩm mỹ đô thị.

+ Sử dụng các nghệ thuật như điêu khắc, hội hoạ...vào tổ chức

3.3. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

3.3.1. Quy hoạch giao thông:

* Đường cấp đô thị:

- Xây dựng tuyến đường liên khu vực theo hướng Bắc-Nam, quy mô bề rộng mặt cắt ngang điển hình $B=40m$, gồm: lòng đường rộng $2 \times 11,25m$, dải phân cách giữa rộng 3m, hè hai bên rộng $2 \times 7,25m$.

* Đường cấp khu vực:

- Xây dựng các tuyến đường chính khu vực:

+ Tuyến đường phía Đông mặt cắt ngang điển hình rộng $B=24m$, gồm: lòng đường rộng 14m, hè hai bên rộng $2 \times 5m$.

+ Tuyến đường theo hướng Đông Tây và phía Tây, Đông Nam khu quy hoạch, mặt cắt ngang điển hình rộng $B=21,25m$, gồm: lòng đường rộng 11,25m, hè hai bên rộng $2 \times 5m$. Đối với đoạn từ đường Sa Đới đến đường gom Đại lộ Thăng Long, khi triển khai cần phối hợp với UBND quận Nam Từ Liêm để thống nhất về trách nhiệm, phạm vi đầu tư, khớp nối về hạ tầng kỹ thuật, tránh chồng chéo.

- Xây dựng tuyến đường khu vực phía Nam khu quy hoạch (dọc sông Nhuệ) mặt cắt ngang điển hình rộng $B=14,5m+17,5m$, gồm: lòng đường rộng 7,5m, hè hai bên rộng $2 \times (2m+5m)$. Khu vực qua chùa Đại Linh Tự, chỉ giới đường đỏ được lấy trùng ranh giới chùa.

* Đường cấp nội bộ:

- Xây dựng tuyến nội bộ kết hợp cảnh quan mặt cắt ngang điển hình rộng $B=30m$, gồm: lòng đường rộng $2 \times 6m$, dải phân cách giữa (dải cây xanh) rộng 12m, hè hai bên rộng $2 \times 3m$.

- Xây dựng các tuyến đường nhóm nhà ở, vào nhà mặt cắt ngang điển hình rộng $B=9m \div 13m$, gồm: lòng đường rộng 6m, hè hai bên rộng $2 \times (1,5m \div 3,5m)$.

* Giao thông công cộng:

- Tuyến Monorail M2 (Mai Dịch-Mỹ Đình-Văn Mã-Phúc La) xây dựng nổi tại dải phân cách giữa của đường liên khu vực $B=40m$, phía Đông Bắc xây dựng 01 ga hành khách. Tại khu vực ga sẽ hình thành, phát triển theo mô hình TOD. Tuyến Monorail và ga sẽ được thực hiện theo dự án riêng.

- Các tuyến xe buýt hoạt động trên các tuyến đường từ đường khu vực trở lên. Bố trí các điểm dừng xe buýt có khoảng cách giữa các điểm dừng từ 300m÷500m.

* Giải pháp đỗ xe:

- Các công trình hỗn hợp cao tầng xây dựng 03 tầng hầm đáp ứng đủ nhu cầu đỗ xe cho công trình và khu vực.

- Các công trình nhà ở thấp tầng, công cộng tự đảm bảo chỗ đỗ xe bản thân trong công trình.

- Xây dựng 04 khu đỗ xe tập trung: tổng diện tích khoảng 0,43ha. Nghiên cứu xây dựng ngầm và nổi để tăng diện tích đỗ xe phục vụ nhu cầu đỗ xe của khu vực.

3.3.2. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

* San nền:

- Cao độ mực nước Hồ điều hòa: $H_{mn}=4,75m$.

- Cao độ san nền khu quy hoạch: $H_{max}=6,85m$; $H_{min}=6,50m$.

* Thoát nước mưa:

- Hướng thoát nước chính: nước mưa của khu vực lập quy hoạch thuộc lưu vực thoát nước về tuyến mương Mễ Trì ở phía Đông rồi thoát ra sông Nhuệ. Khi mực nước sông Nhuệ tại đập Thanh Liệt $\leq 4,5m$, nước mưa được thoát tự chảy ra sông Nhuệ thông qua tuyến mương Mễ Trì và tuyến mương quy hoạch nối thông hồ điều hòa với sông Nhuệ. Khi mực nước sông Nhuệ tại đập Thanh Liệt $> 4,5m$, nước mưa sẽ được bơm cưỡng bức ra sông Nhuệ thông qua trạm bơm Đồng Bông II.

- Mạng lưới thoát nước: Xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng hoàn toàn với hệ thống thoát nước thải, cụ thể:

+ Xây dựng hệ thống các tuyến công hộp kích thước $B(0,6 \div 2,5)m \times H(0,6 \div 2,5)m$ và hệ thống các tuyến cống tròn kích thước $D600 \div D800mm$ thu gom nước mưa của khu vực thoát vào hệ thống mặt nước hồ, mương xây dựng trong khu quy hoạch rồi thoát ra sông Nhuệ.

+ Xây dựng hệ thống các tuyến rãnh bao quanh khu vực nghĩa trang Mễ Trì kích thước $b \times h=1,0m \times 1,0m$. Tại các vị trí đầu nối với hệ thống thoát nước mưa xây dựng hệ thống các giếng tách.

- Xây dựng hồ điều hòa diện tích khoảng 15ha, hệ thống các tuyến mương nối thông từ hồ với sông Nhuệ và mương Mễ Trì kích thước $B_{mặt}=10 \div 25m$; $H=4m$.

- Khi lập dự án đầu tư xây dựng, chủ đầu tư cần liên hệ với các dự án ở lân cận để khớp nối về cao độ nền cho phù hợp và xây dựng đồng bộ hệ thống kênh mương đảm bảo thoát nước tránh gây úng ngập.

3.3.3. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn cấp: Khu quy hoạch được cấp nguồn từ nhà máy nước nước mặt sông

Đà thông qua tuyến ống truyền dẫn $\Phi 300\text{mm}$ hiện có xây dựng dọc Đại lộ Thăng Long.

- Mạng lưới đường ống: Xây dựng các tuyến ống phân phối kích thước $\Phi 100\text{mm}-\Phi 200\text{mm}$, tuyến ống dịch vụ kích thước $\Phi 50\text{mm}-\Phi 75\text{mm}$ dọc theo các tuyến đường quy hoạch theo hình thức mạng vòng kết hợp mạng cụt để cấp nước cho các công trình.

+ Các công trình cao tầng được cấp nước thông qua trạm bơm, bể chứa riêng (chi tiết vị trí điểm đầu nước, công suất trạm bơm, dung tích bể chứa sẽ được thiết kế cụ thể theo dự án riêng, phù hợp với mặt bằng bố trí công trình).

+ Các công trình thấp tầng (< 05 tầng) được cấp nước trực tiếp từ mạng lưới cấp nước của thành phố.

- Cấp nước chữa cháy:

+ Xây dựng các họng cứu hỏa gần ngã ba, ngã tư đầu nối với các tuyến ống cấp nước phân phối có kích thước $\geq \Phi 100\text{mm}$ (khoảng cách các họng cứu hỏa theo quy định).

+ Các công trình cao tầng, công cộng: Xây dựng hệ thống chữa cháy riêng cho từng công trình (chi tiết thực hiện ở giai đoạn sau).

+ Xây dựng các hồ thu nước cứu hỏa xung quanh hồ điều hòa bổ sung cho nhu cầu cấp nước chữa cháy của khu vực.

+ Hệ thống cấp nước cứu hỏa phải được Cảnh sát Phòng cháy Chữa cháy thành phố Hà Nội thẩm định, phê duyệt trước khi triển khai đầu tư xây dựng.

3.3.4. Quy hoạch cấp điện và thông tin liên lạc:

* Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn cấp: Khu quy hoạch được cấp nguồn từ trạm biến áp Thanh Xuân 110/22kv - 3x63MVA phía Đông khu quy hoạch thông qua tuyến cáp 22KV xây dựng dọc Đại lộ Thăng Long.

- Cấp ngầm trung thế và trạm biến áp:

+ Xây dựng các tuyến cáp ngầm trung thế 22 KV dọc theo đường quy hoạch cấp điện cho 12 trạm biến áp 22/0,4KV (cụ thể vị trí, công suất trạm biến áp sẽ được xem xét trong giai đoạn sau).

+ Đối với trạm biến áp và tuyến dây trung thế 35Kv hiện có trong khu quy hoạch: chủ đầu tư làm việc với cơ quan quản lý chuyên ngành điện để được thỏa thuận giải pháp cải tạo, di chuyển, hoàn trả đảm bảo cấp điện bình thường cho các khu vực lân cận và an toàn điện.

- Mạng lưới hạ thế: Xây dựng các tuyến cáp ngầm hạ thế 0,4kV dọc các tuyến đường quy hoạch cấp điện cho các công trình và chiếu sáng đường (chi tiết được xác định cụ thể ở giai đoạn sau).

* Quy hoạch thông tin liên lạc:

- Nguồn cấp: Khu quy hoạch được cấp nguồn từ trạm vệ tinh Mễ Trì hiện có phía Bắc và trạm vệ tinh dự kiến xây dựng ở phía Tây thông qua các tuyến cáp quang bố trí dọc các tuyến đường trong khu quy hoạch.

- Mạng lưới thông tin liên lạc: Xây dựng tuyến cáp quang nhánh ngầm dọc theo đường quy hoạch cấp nguồn cho 09 tủ cáp. Mạng lưới cáp ngầm từ tủ cáp đến các thuê bao, vị trí và dung lượng tủ cáp sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn

sau trên cơ sở ý kiến thỏa thuận của cơ quan quản lý chuyên ngành về nguồn cấp và phương án đầu nối.

3.3.5. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

*** Thoát nước thải:**

- Hướng thoát nước: Theo quy hoạch, nước thải của khu vực nghiên cứu thuộc lưu vực Nhà máy xử lý nước thải tập trung Phú Đô ở phía Tây Bắc khu đất. Trong giai đoạn trước mắt khi Nhà máy trên chưa được đầu tư xây dựng, để giải quyết thoát nước thải cho khu vực phải xây dựng 01 trạm xử lý nước thải cục bộ công suất khoảng 3.740m³/ngđ, vị trí tại khu đất hạ tầng kỹ thuật ở phía Tây Nam khu quy hoạch. Lâu dài, khi hệ thống nước thải của Thành phố được xây dựng trạm này sẽ được chuyển thành trạm bơm chuyển bậc và bơm nước thải về Nhà máy xử lý nước thải Phú Đô. Khuyến khích áp dụng công nghệ tiên tiến xây dựng Trạm xử lý nước thải cục bộ để giảm diện tích chiếm đất, ảnh hưởng cảnh quan và môi trường.

- Xây dựng các tuyến cống tròn kích thước D300mm dọc các tuyến đường quy hoạch để thu gom nước thải của các công trình dẫn về trạm xử lý cục bộ.

- Dọc tuyến cống thoát nước thải xây dựng các giếng kiểm tra tại các điểm chuyển hướng, giao nhau và trên dọc tuyến, khoảng cách giữa các giếng theo quy định. Vị trí các giếng thăm, ga thu sẽ được xác định cụ thể trong giai đoạn triển khai đầu tư xây dựng.

*** Quản lý chất thải rắn:**

- Trong khu quy hoạch xây dựng 01 điểm trung chuyển chất thải rắn tại ô đất hạ tầng kỹ thuật ở phía Tây Nam khu đất, diện tích khoảng 50m².

- Đối với công trình nhà cao tầng: xây dựng hệ thống thu gom và phân loại rác thải từ trên cao xuống bể rác cho từng đơn nguyên.

- Đối với công trình nhà thấp tầng: rác thải sinh hoạt được thu gom trực tiếp theo giờ cố định bằng xe thu gom rác cỡ nhỏ của Thành phố.

- Tại các nơi công cộng, khu vực cây xanh, đường trục chính... đặt các thùng rác nhỏ có nắp kín với khoảng cách 50 m/1thùng.

*** Nhà vệ sinh công cộng:**

- Xây dựng 02 nhà vệ sinh công cộng tại khu vực đất cây xanh đô thị ký hiệu CXĐT-2; CXĐT-4, quy mô diện tích của các nhà vệ sinh công cộng sẽ được xác định cụ thể trong quá trình triển khai dự án.

- Trên các trục phố chính, các khu thương mại, khu công viên cây xanh và các nơi công cộng xây dựng nhà vệ sinh công cộng phục vụ cho khu vực.

*** Nghĩa trang:**

Theo quy hoạch, nghĩa trang Mễ Trì sẽ được di chuyển về nghĩa trang tập trung của Thành phố. Trước mắt khu vực nghĩa trang không mở rộng quy mô, ngừng hung táng đồng thời tiến hành cải tạo thành công viên nghĩa trang.

3.3.6. Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật:

- Chỉ giới đường đỏ được xác định trên cơ sở tọa độ tim đường, mặt cắt ngang điển hình và các yếu tố kỹ thuật khống chế ghi trực tiếp trên bản vẽ. Đối với các khu vực qua chùa Đại Linh Tự, chùa Đồng Bàn Linh Tự, chùa Cả Phú Đô khi xây dựng các tuyến đường cần liên hệ với các cơ quan quản lý chuyên ngành để được thỏa thuận.

- Chỉ giới xây dựng được xác định để đảm bảo các yêu cầu về an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và kiến trúc cảnh quan; chỉ giới xây dựng cụ thể của từng công trình được xác định theo cấp đường quy hoạch theo quy định của Quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

- Hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật: Tuân thủ theo đúng tiêu chuẩn quy phạm ngành và Quy chuẩn xây dựng Việt Nam.

Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức triển khai, thực hiện cấm mốc giới theo quy định tại Quyết định số 82/2014/QĐ-UBND ngày 21/11/2014 của UBND Thành phố Hà Nội và Thông tư số 10/2016/TT-BXD ngày 15/3/2016 của Bộ Xây dựng.

3.3.6. Đánh giá môi trường chiến lược:

Khi triển khai lập dự án đầu tư, Chủ đầu tư phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2014 và Nghị định 18/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 14/2/2015 quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. Các phương án bảo vệ môi trường đối với Dự án sẽ được chi tiết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 2:

- Sở Quy hoạch – Kiến trúc có trách nhiệm tổ chức, kiểm tra, xác nhận hồ sơ bản vẽ và Quy định quản lý đồ án Quy hoạch chi tiết Khu chức năng đô thị Nam Đại lộ Thăng Long tỷ lệ 1/500 phù hợp Quyết định này; Chủ trì phối hợp với UBND quận Nam Từ Liêm, Công ty cổ phần Trung tâm Hội chợ triển lãm Việt Nam, Viện Quy hoạch xây dựng Hà Nội tổ chức công bố công khai Quy hoạch chi tiết được duyệt cho các tổ chức, cơ quan và nhân dân biết, thực hiện.

- Chủ tịch UBND quận Nam Từ Liêm, Chủ tịch UBND các phường Mễ Trì, Trung Văn, Phú Đô chịu trách nhiệm: Kiểm tra, quản lý, giám sát xây dựng theo quy hoạch, xử lý các trường hợp xây dựng sai quy hoạch theo thẩm quyền và quy định của pháp luật; Phối hợp và tạo điều kiện cho chủ đầu tư dự án trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thực hiện kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Quy hoạch - Kiến trúc, Giao thông Vận tải, Tài nguyên và Môi trường, Văn hóa và Thể thao, Viện trưởng Viện Quy hoạch Xây dựng Hà Nội; Chủ tịch UBND quận Nam Từ Liêm; Chủ tịch UBND phường: Mễ Trì, Trung Văn, Phú Đô; Giám đốc, Thủ trưởng các Ban, Ngành, các tổ chức cơ quan và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c Chủ tịch UBND TP;
- Các Đ/c PCT UBND TP;
- Các PCVP,
- các phòng: TKBT, ĐT;
- Lưu: VT, ĐT_{N, AI}

43611 (30)



Nguyễn Đức Chung